



1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ DOANH NGHIỆP

Tên sản phẩm, hóa chất:

CANARY CS 68

Khuyến cáo sử dụng và hạn chế sử dụng:

- Khuyến cáo sử dụng: Dầu thủy lực

Thông tin nhà sản xuất và phân phối:

Công Ty Cổ Phần Hoá Dầu Mekong

Địa chỉ: Ấp 3, xã An Thạnh, Bến Lức, Long An

Số điện thoại: 0272.3635 168

Website: www.mekongpetro.com

2. THÔNG TIN NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại theo GHS:

Dựa trên dữ liệu hiện có, chất/hỗn hợp này không đáp ứng tiêu chí phân loại

Các thành phần nhãn theo GHS:

Hình đồ cảnh báo nguy cơ:

Không áp dụng

Lời cảnh báo:

Không áp dụng

Cảnh báo nguy hiểm:

Không áp dụng

Các lưu ý phòng ngừa:

Biện pháp phòng ngừa:

Không có khuyến cáo

Biện pháp ứng phó:

Không có khuyến cáo

Biện pháp lưu trữ:

Không có khuyến cáo

Biện pháp xử lý:

Không có khuyến cáo

Các mối nguy hại khác không được nêu trong phân loại GHS:

Sản phẩm không được phân loại là chất dễ cháy nhưng có thể cháy. Tiếp xúc với sản phẩm trong thời gian dài có thể dẫn đến bị kích ứng mắt, da hoặc đường hô hấp. Dầu/mỡ đã qua sử dụng có chứa các thành phần gây hại cho môi trường.

**3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN**

Tên thành phần	Số CAS	Tỷ lệ (%)
Hỗn hợp dầu gốc	Hỗn hợp*	90 - 100
Hỗn hợp phụ gia	-	< 4

* Bao gồm một hoặc nhiều số CAS sau đây: 64742-54-7, 64742-55-8, 64742-56-9, 64742-57-0, 64742-58-1, 64742-62-7, 64742-65-0, 64742-70-7.

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ**Mô tả các biện pháp sơ cứu:**

Tiếp xúc theo đường hô hấp:

- Không có sự điều trị nào trong những điều kiện sử dụng thông thường.

- Khi tiếp xúc với một lượng sản phẩm này ở dạng hơi, sương hoặc sản phẩm phân hủy trong đám cháy, cần di chuyển người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí.

- Tìm kiếm sự tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

Tiếp xúc theo đường miệng:

- Đừng cố gây ói khi nuốt phải sản phẩm, nói chung không cần có sự điều trị trừ khi nuốt phải một lượng lớn.

- Tìm kiếm sự tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.

Tiếp xúc với da:

- Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể.

- Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với mắt:

- Rửa mắt ngay lập tức với nhiều nước, tiếp tục rửa.

- Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.

Các triệu chứng/ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và mãn tính:

- Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy.

- Khi tiếp xúc với da có thể gây khô và kích ứng da.

Chỉ định chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt, nếu cần thiết:

- Thông báo cho nhân viên y tế về các tình huống bị nhiễm độc và yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HOẢ HOẠN

- Phương tiện chữa cháy phù hợp:**
- Bình chữa cháy dạng bột khô, cacbon dioxit.
 - Chất chữa cháy dạng bột, phun sương.
- Phương tiện chữa cháy không phù hợp:**
- Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa.
- Các môi nguy cụ thể phát sinh từ hóa chất:**
- Các sản phẩm phân huỷ trong quá trình cháy có thể gồm: oxit carbon (CO, CO₂), oxit nitơ (NO, NO₂).
 - Các hợp chất hữu cơ và vô cơ chưa xác định.
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể:**
- Tùy theo điều kiện cụ thể các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh được áp dụng.
 - Thông báo cho trạm cứu hỏa ở địa phương và thông báo vị trí và các đặc điểm nguy hiểm của đám cháy.
 - Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đưa tất cả người, hàng hoá ra khỏi khu vực đang xảy ra sự cố.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa:**
- Người chữa cháy phải được trang bị bảo hộ thích hợp bao gồm găng tay chống hóa chất; áo quần chống hóa chất, mặt nạ phòng độc,...

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp:**
- Di tản khỏi khu vực xung quanh. Ngăn chặn người không phận sự ra vào khu vực.
 - Mang dụng cụ bảo vệ cá nhân đúng qui định, tránh tiếp xúc với da và hít phải, thông gió không gian kín trước khi vào.
 - Không chạm vào những vật liệu đã bị đổ vỡ. Sản phẩm có thể làm trơn bề mặt nên cần cẩn trọng để tránh bị té ngã.
- Các biện pháp phòng ngừa về môi trường:**
- Đắp đập bằng đất, cát hay các vật liệu thích hợp khác để ngăn chặn sản phẩm lan rộng và chảy vào cống rãnh hay sông gây ô nhiễm nguồn nước.
 - Thông báo cho chính quyền địa phương, nếu lượng lớn sản phẩm tràn đổ, gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).
- Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch:**
- Sử dụng bình chứa thích hợp để thu gom sản phẩm, có thể sử dụng một số chất hấp thụ như đất sét, cát hay các vật liệu thích hợp khác.



- Lưu giữ các bình chứa, sản phẩm tràn đổ, xử lý chất thải theo quy định.

7. YÊU CẦU VỀ BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn:

- Đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng.
- Không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực lưu trữ, xử lý sản phẩm.
- Thực hiện các biện pháp vệ sinh công nghiệp khi thao tác với sản phẩm.
- Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít hóa chất dưới dạng hơi hoặc sương.
- Tham khảo các biện pháp phòng ngừa, xem phần 2.
- Sử dụng ở khu vực thông thoáng. Sử dụng quần áo và trang bị bảo hộ cá nhân, xem mục 8.
- Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy và các vật liệu không tương thích.

Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm cả sự không tương thích:

- Lưu trữ và bảo quản sản phẩm theo đúng quy định của địa phương.
- Bảo quản sản phẩm tại khu vực khô ráo, mát và thông thoáng tốt, nhiệt độ không quá 50°C.
- Tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh tiếp xúc với nước hoặc các vật liệu không tương thích có thể gây hư hại sản phẩm.
- Không để sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với nhiệt, không gây ra bất kỳ tác động vật lý nào gây hư hại bình chứa.
- Đậy kín nắp sau khi sử dụng. Áp dụng các biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần cần kiểm soát:

Hỗn hợp dầu gốc, dạng hơi, sương:	Bộ y tế Việt Nam:	TWA: 5 mg/m ³ STEL: 10 mg/m ³
	OSHA (USA):	TWA: 5 mg/m ³
	ACGIH:	TWA: 5 mg/m ³



NIOSH: TWA: 5 mg/m³
STEL: 10 mg/m³

Phương pháp theo dõi:

- Sử dụng hệ thống thông gió thích hợp để giữ cho nồng độ hơi của sản phẩm này dưới giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp và để bắt lửa, đặc biệt là trong không gian chật hẹp.
- Giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực làm việc của công nhân để tuân thủ giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp (Occupational exposure limit - OEL) và kiểm soát sự phơi nhiễm.
- Tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.
- Cần tham khảo các phương pháp theo dõi phù hợp để kiểm soát sự phơi nhiễm hoá chất.

Các biện pháp bảo vệ và thiết bị bảo hộ cá nhân:

Bảo vệ hô hấp:

- Thực hiện thông gió khu vực làm việc, tránh hít phải sản phẩm.
- Sử dụng các thiết bị bảo vệ hô hấp đã được kiểm định và cấp phép.
- Nếu không kiểm soát, không xác định được mức độ phơi nhiễm, trong môi trường thiếu oxy hoặc bất kỳ trường hợp nào khác cần sử dụng mặt nạ phòng độc để bảo vệ hô hấp.

Bảo vệ mắt:

- Đeo các loại kính bảo vệ mắt chính như kính bảo hộ chống văng, bụi với tấm chắn bảo vệ.
- Cần lắp đặt trạm rửa mắt khẩn cấp trong khu vực làm việc.

Bảo vệ tay:

- Đeo găng tay bảo hộ thích hợp nếu có khả năng tiếp xúc kéo dài hoặc thường xuyên với sản phẩm.
- Thay găng tay đã bị nhiễm bẩn, sau khi sử dụng xong cần rửa tay sạch và lau khô.

Bảo vệ da và cơ thể:

- Sử dụng quần áo, thiết bị bảo hộ phù hợp.

9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý:	Chất lỏng
Màu sắc:	Hỗ phách
Mùi đặc trưng:	Mùi dầu mỏ nhẹ
Ngưỡng mùi:	Không áp dụng



pH:	Dữ liệu không có sẵn
Điểm nóng chảy/đông đặc:	Dữ liệu không có sẵn
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu:	Dữ liệu không có sẵn
Điểm chớp cháy:	226°C
Tỷ lệ hóa hơi:	Dữ liệu không có sẵn
Khả năng bắt cháy:	Dữ liệu không có sẵn
Giới hạn dễ cháy/nổ trên hoặc dưới:	Dữ liệu không có sẵn
Áp suất hóa hơi:	Dữ liệu không có sẵn
Tỷ trọng hơi tương đối:	Dữ liệu không có sẵn
Trọng lượng riêng:	0,86 g/cm ³ ở 15°C
Tính tan trong nước:	Không tan trong nước
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	Dữ liệu không có sẵn
Nhiệt độ tự bốc cháy:	Dữ liệu không có sẵn
Nhiệt độ phân hủy:	Dữ liệu không có sẵn
Độ nhớt: động lực, động học:	68,11 cSt ở 40°C

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA SẢN PHẨM

Độ ổn định hóa học:	<ul style="list-style-type: none">Sản phẩm này ổn định trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường.
Khả năng phản ứng:	<ul style="list-style-type: none">Sản phẩm không tự phản ứng, nhưng có thể phản ứng với các chất oxi hóa.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm:	<ul style="list-style-type: none">Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh:	<ul style="list-style-type: none">Nhiệt độ cao, ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc các vật liệu không tương thích.
Các vật liệu không tương thích:	<ul style="list-style-type: none">Nước, các hợp chất phân cực, các chất oxi hoá mạnh,...
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:	<ul style="list-style-type: none">Không phân hủy trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường.



11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc cấp tính:

- Hỗn hợp dầu gốc:
- LD50 qua miệng, chuột (rat), > 5000 mg/kg
 - LD50 qua da, thỏ, > 5000 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da:

- Gây kích ứng nhẹ cho da. Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý.

Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng:

- Gây kích ứng nhẹ cho mắt.
- Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Tác nhân nhạy cảm với hô hấp hoặc nhạy cảm với da:

- Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Tác nhân gây đột biến tế bào gốc:

- Không gây đột biến.
- Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Tác nhân gây ung thư:

- Không gây ung thư.
- Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Độc tính sinh sản:

- Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Độc tính đến cơ quan cụ thể, phơi nhiễm một lần:

- Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Độc tính đến cơ quan cụ thể, phơi nhiễm lặp lại:

- Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Nguy hại khi hít vào:

- Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin về độc tính sinh thái:

- Hỗn hợp dầu gốc:
- LC50 Cá, > 100 mg/l - 96 giờ
 - EC50 Rận nước (Daphnia), > 100 mg/l - 48 giờ
 - ErC50 Tảo (Algae), > 100 mg/l - 72 giờ

Tính bền vững và phân hủy:

- Không dễ phân hủy sinh học.

Khả năng tích lũy sinh học:

- Chứa các thành phần có khả năng tích lũy sinh hóa.



- Tính biến đổi trong đất:**
- Trong trường hợp ngấm vào đất, nó sẽ hấp thụ các phần tử trong đất và gây ô nhiễm đất, nước ngầm.
- Các ảnh hưởng có hại khác:**
- Không có nguy cơ bào mòn tầng ôzôn, hỗn hợp khó hòa tan, gây bản vật lý cho sinh vật thủy sinh. Dầu khoáng không gây độc mãn tính cho các sinh vật thủy sinh ở nồng độ thấp hơn 1 mg/l.

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- Phương pháp xử lý:**
- Sản phẩm đã qua sử dụng là chất thải nguy hại, cần thu gom, xử lý, tránh hoá chất tràn đổ gây ô nhiễm môi trường.
 - Quá trình thải bỏ và thu gom sản phẩm đã qua sử dụng phải tuân thủ các quy định về an toàn và bảo vệ môi trường của chính quyền địa phương và cơ quan nhà nước.
 - Quá trình xử lý chất thải phải được thực hiện bởi những tổ chức được cấp phép theo quy định.
- Các bao bì đã chứa sản phẩm:**
- Bao bì chứa sản phẩm cần được thu gom và xử lý theo quy định của chính quyền địa phương và nhà nước cơ quan nhà nước.
 - Việc súc rửa và làm sạch bao bì phải được thực hiện bởi những tổ chức được cấp phép theo quy định.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Bộ giao thông vận tải Việt Nam:

- Không quy định

IATA:

- Không quy định

IMDG:

- Không quy định

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định của Việt Nam:

- Luật Hoá chất Việt Nam 06/2007/QH12 của Quốc Hội ngày 21/11/2007 quy định về hoạt động hóa chất, an toàn trong hoạt động hóa chất, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hóa chất, quản lý nhà nước về hoạt động hóa chất.



- Nghị định 113/2017/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.
- Thông tư 32/2017/TT-BCT của bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.
- Nghị định 43/NĐCP của Chính phủ ngày 14/4/2017 quy định nội dung, cách ghi và quản lý nhà nước về nhãn đối với hàng hóa lưu thông tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu.
- Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT của bộ Y Tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.
- Nghị định 42/2020/NĐ-CP của Chính Phủ quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

Các quy định quốc tế:

- Quy định (EC) số 850/2004 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 29 tháng 4 năm 2004 về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy và sửa đổi Chỉ thị 79/117/EEC.
- Quy định (EC) số 1272/2008 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ngày 16 tháng 12 năm 2008.
- Quy định (EC) số 1005/2009 về các chất làm suy giảm tầng ozone.

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Bảng từ viết tắt:

GHS: Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu

TWA: Mức độ phơi nhiễm trung bình theo thời gian

STEL: Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn

IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế

IMDG: Mã hàng hóa nguy hiểm theo tổ chức hàng hải quốc tế

OSHA: Cục quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ

ACGIH: Hiệp hội các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ

NIOSH: Viện quốc gia về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp Hoa Kỳ

Lưu ý cho người đọc:

Thông tin về dữ liệu an toàn sản phẩm này là nguồn thông tin đáng tin cậy và chỉ áp dụng với sản phẩm này. Người sử dụng nên đọc và hiểu rõ các thông tin cho việc bảo quản, tồn trữ, sử dụng và tiêu hủy sản phẩm, cho phù hợp, nếu ngoài phạm vi kiểm soát của chúng tôi hoặc các lý do khác, chúng tôi không chịu trách nhiệm.